

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 146/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26/8/2019

“ V/v tranh chấp ly hôn ”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B-TỈNH ĐỒNG NAI
*-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Thương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Thìn
2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nông Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Hoàng Thế Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1472/2019/TLST-HNGĐ ngày 08/7/2019 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/8/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bà Bùi Lê Thị Thanh T, sinh năm 1993**

Địa chỉ: Ấp 3, xã Bình Lộc, TP. G, tỉnh Đồng Nai

- Bị đơn: Ông Đặng Thành A, sinh năm 1992

Địa chỉ: 258, tổ 16, KP Hương Phước, phường Q, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T, ông A có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai của nguyên đơn bà Bùi Lê Thị Thanh T trình bày: Bà và ông A đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND P xã Q (nay là P. Q), TP. B, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 334, quyển số 02/2011 ngày 20/10/2011, trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn cuộc sống chung không hạnh phúc do không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, không còn sự quan tâm chia sẻ với nhau, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, nên bà xin ly hôn với ông A.

Về con chung: có 01 cháu là Đặng Gia Hào, sinh ngày 13/8/2011. Ly hôn bà nhận nuôi cháu Hào, không yêu cầu ông A phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Hiện nay bà đang làm công nhân thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 7.000.000đ/tháng (bảy triệu đồng) đủ khả năng để nuôi con chung, vì bản thân ông A vừa mới chấp hành xong án nên không có thu nhập ổn định để nuôi con. Bà không yêu cầu ông A phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai ông Đặng Thành A trình bày: Ông A xác định ông và Bà T xây dựng gia đình với nhau và đăng ký kết hôn năm 2011 trên cơ sở tự nguyện đúng như Bà T khai. Quá trình chung sống đến năm 2012 thì ông bị bắt để thi hành hai bản án đến năm 2019 ông vừa chấp hành xong án tù. Do đó, ông không đồng ý ly hôn theo đơn khởi kiện của Bà T.

Về con chung: Có 01 cháu là Đặng Gia Hào, sinh ngày 13/8/2011.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông có nguyện vọng xin được nuôi cháu Hào, không yêu cầu Bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Hôn nhân giữa Bà T và ông A là hôn nhân hợp pháp, Bà T có đơn xin ly hôn ông A và cả hai bên đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt hai bên đương sự, về quan hệ hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà T vì mâu thuẫn vợ chồng của Bà T và ông A là có thật, quá trình chung sống ông A và Bà T đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Về con chung có 01 cháu là Đặng Gia Hào, sinh ngày 13/8/2011. Ly hôn cả Bà T và ông A đều muốn nuôi cháu Hào. Tuy nhiên cháu Hào đã đủ 07 tuổi và có lời khai muốn sống chung với Bà T và từ khi còn nhỏ cháu Hào đã sống chung với Bà T, Bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng và Bà T có thu nhập ổn định để đảm bảo cuộc sống cho cháu Hào, do đó ly hôn giao cháu Hào cho Bà T nuôi dưỡng, Bà T không yêu cầu cấp dưỡng, nên không đặt ra xem xét giải quyết, tài sản chung, không có, không xem xét giải quyết và nợ chung đương sự trình bày không có, nên không xem xét giải quyết, án phí ly hôn Bà T phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Bùi Lê Thị Thanh T xin ly hôn với ông Đặng Thành A, đương sự có nơi cư trú tại địa chỉ: 258, tổ 16, KP Hương Phước, phường Phước Tân, TP. B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân TP. B có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn Bà T và ông A đều có đơn đề nghị Tòa án cho vắng mặt tại phiên Tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông A tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Tân (nay là P. Phước Tân), TP. B, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 334, quyển số 02/2011 ngày 20/10/2011, theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống Bà T và Trung cả hai đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay Bà T xét thấy tình cảm không còn nên cương quyết xin ly hôn, ông A cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng nên không đồng ý ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn giữa Bà T và ông A đã thật sự trầm trọng, cả hai ông bà đều xác định vợ chồng không còn sống chung với nhau từ năm 2012 đến nay, không còn sự quan tâm chăm sóc với nhau, Tòa án xác minh tại Ủy ban nhân dân P. Phước Tân xác định quá trình chung sống vợ chồng ông bà có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa phương không nắm rõ do không có báo với chính quyền địa phương. Từ những phân tích trên nghĩ nên chấp nhận đơn xin ly hôn của Bà T, giải quyết cho Bà T được ly hôn với ông A là phù hợp.

[4] Về con chung: có 01 cháu Đặng Gia Hào, sinh ngày 13/8/2011. Bà T có nguyện vọng xin được nuôi cháu Hào, không yêu cầu ông A cấp dưỡng; ông A cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Hào và không yêu cầu Bà T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng được nuôi con chung của Bà T và ông A là chính đáng. Tuy nhiên, trong thời gian ông A và Bà T không sống chung với nhau cháu Hào do Bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu Hào đã đủ 7 tuổi và có nguyện vọng được sống chung với mẹ, Bà T có thu nhập và chỗ ở ổn định hơn, để đảm bảo việc ổn định cuộc sống phát triển toàn diện về thể chất cũng như tinh thần của cháu Hào, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao cháu Hào cho Bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp nhất.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Bà T không yêu cầu ông A phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên tạm thời ông A không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Bà T và ông A khai không có, nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà T và ông A khai không có, nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết, Bà T phải nộp 300.000đ.

[7] Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 266, 271, 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 9, Điều 11 và Điều 12, Điều 89, Điều 92, Điều 93 và Điều 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 6; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Lê Thị Thanh T. Cho bà Bùi Lê Thị Thanh T được ly hôn ông Đặng Thành A.

Về con chung: Giao cháu Đặng Gia Hào, sinh ngày 13/8/2011 cho Bà T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời ông A không phải cấp dưỡng nuôi con. Vì không trực tiếp nuôi con nên ông A được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, Bà T và ông A được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Thủy và ông A khai không có, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà T và ông A khai không có, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Bà T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp biên lai số 0008444 ngày 17/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà T đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Lưu hồ sơ vụ án.(1)
- Lưu văn phòng.(2)
- Các đương sự.(2)
- VKSND TP B.(2)
- THA dân sự TP B.(1)
- TAND tỉnh Đồng Nai. (1)
- UBND xã Đức Lĩnh (1)

Phan Thị Thu Thương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Lưu hồ sơ vụ án.(1)
- Lưu văn phòng.(2)
- Các đương sự.(2)
- VKSND TP B.(2)
- THA dân sự TP B.(1)
- TAND tỉnh Đồng Nai. (1)

Hoàng Thị Thu Minh